

Biểu số 05: QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND huyện Hón Quán)

Đơn vị: đồng

Stt	Tên đơn vị	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu	Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu	Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG SỐ	114.491.909	79.471.409	35.020.500	123.427.984	81.248.484	42.179.500	107,80	102,24	120,44
1	UBND xã An Phú	9.171.754	6.177.254	2.994.500	9.837.095	6.437.095	3.400.000	107,25	104,21	113,54
2	UBND xã Tân Lợi	8.958.739	6.273.239	2.685.500	10.384.951	6.905.451	3.479.500	115,92	110,08	129,57
3	UBND xã An Khương	4.182.312	3.379.312	803.000	4.886.051	3.823.051	1.063.000	116,83	113,13	132,38
4	UBND xã Tân Hưng	8.182.739	5.714.589	2.468.150	9.546.351	6.248.201	3.298.150	116,66	109,34	133,63
5	UBND xã Thanh An	19.693.094	12.850.794	6.842.300	16.902.421	7.531.621	9.370.800	85,83	58,61	136,95
6	UBND xã Phước An	9.238.518	7.725.268	1.513.250	10.431.914	8.615.664	1.816.250	112,92	111,53	120,02
7	UBND xã Thanh Bình	6.843.068	5.429.068	1.414.000	6.877.596	5.460.596	1.417.000	100,50	100,58	100,21
8	UBND xã Tân Khai	1.454.443	1.454.443	-	2.752.702	2.752.702		189,26	189,26	
9	UBND xã Đồng Nơ	12.334.901	8.520.901	3.814.000	12.244.508	8.914.508	3.330.000	99,27	104,62	87,31
10	UBND xã Minh Đức	10.857.720	5.077.720	5.780.000	12.275.085	5.289.085	6.986.000	113,05	104,16	120,87
11	UBND xã Tân Hiệp	10.490.783	7.104.783	3.386.000	12.527.071	7.153.071	5.374.000	119,41	100,68	158,71
12	UBND xã Minh Tâm	7.032.721	4.413.921	2.618.800	7.743.505	6.011.705	1.731.800	110,11	136,20	66,13
13	UBND xã Tân Quan	6.051.117	5.350.117	701.000	7.018.734	6.105.734	913.000	115,99	114,12	130,24